SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO ĐĂKNÔNG
TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN

KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN 03 CÔNGKHAI
NĂM HỌC 2022-2023

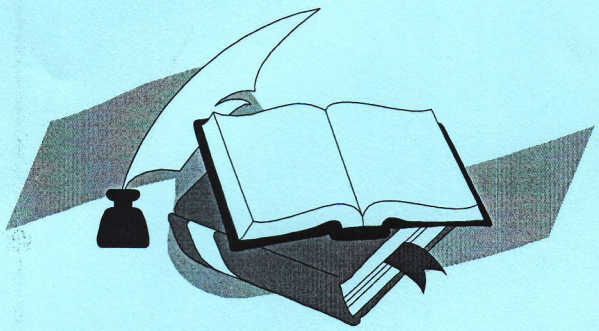

SỞ GD& ĐT DĂKNÔNG
TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN

Số: 84 /KH-THPT LQĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuy đức, ngày 12 tháng 9 năm 2022

KẾ HOẠCH
Thực hiện 3 công khai năm học 2022 - 2023

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo "Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân";

Căn cứ kế hoạch phát triển của nhà trường;

Trường THPT Lê Quý Đôn xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT đối với năm học 2022 – 2023 như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Thực hiện công khai cơ sở giáo dục trường học nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục, để xã hội tham gia giám sát và đánh giá theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu

Việc thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm theo quy định của quy chế thực hiện công khai.

II. Nội dung thực hiện

1. Các nội dung công khai

1.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a) Cam kết chất lượng giáo dục; điều kiện về đối tượng tuyển sinh vào lớp 10 của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tiếp tục của học sinh *(Biểu 9)*.

b) Chất lượng giáo dục thực tế: số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh, số học sinh được công nhận tốt nghiệp THPT *(Biểu 10)*.

c) Kiểm định cơ sở giáo dục: Công khai kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục.

1.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục

a) Cơ sở vật chất: Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp *(Biểu 11)*.

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên: Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo *(Biểu 12)*.

1.3. Công khai thu chi tài chính

a) Thực hiện như quy định tại điểm a, c, d, đ của khoản 3 Điều 4 của Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân *(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*.

b) Mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học.

c) Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

2. Về hình thức và thời điểm công khai

- Niêm yết công khai tại bảng thông báo và trang thông tin điện tử của nhà trường.

- Thời điểm công bố là đầu năm học *(tháng 8/2022)*, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi có thay đổi nội dung liên quan;

- Đối với nội dung các khoản thu từ học sinh trong năm học, phổ biến trong các cuộc họp cha mẹ học sinh.

III. Tổ chức thực hiện

1. Hiệu trưởng

Chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định và kế hoạch đề ra. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

2. Phó hiệu trưởng 1;2.

Chịu trách nhiệm về nội dung 1, 2 *(công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; công khai cơ sở vật chất, tình hình đội ngũ giáo viên của nhà trường)*.

3. Kế toán

Phụ trách công khai các khoảng thu chi về tài chính *(nội dung 3)*.

Trên đây là kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với năm học 2022-2023. Trong quá trình thực hiện lãnh đạo nhà trường sẽ có điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:
- BGH;HĐT
- Công đoàn;
- Đoàn thanh niên;
- Tổ trưởng chuyên môn;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG LÊ QUÝ ĐÔN

Trần Văn

Biểu mẫu 09

SỞ GD & ĐT ĐĂKNÔNG
TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường THPT Lê Quý Đôn
Năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	xét tuyển	Học sinh đủ điều kiện theo quy định	Học sinh đủ điều kiện theo quy định
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Theo CTGD phổ thông mới	Theo CTGD hiện hành	Theo CTGD hiện hành
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Nhà trường và gia đình học sinh có sự phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý, giáo dục toàn diện học sinh. Duy trì thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình. Hoạt động Ban đại diện CMHS đúng văn bản chỉ đạo hiện hành và có đủ thành phần, cơ cấu theo quy định. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành nghiêm chỉnh nội quy nhà trường. Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao.		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Đoàn viên, thanh niên được tham gia vào các hoạt động truyền thống, các hoạt động xã hội và các hoạt động VHVN-TDTT. - Bồi dưỡng hs giỏi, phụ đạo hs yếu kém, thực hiện chuyên đề, ngoại khóa và các hoạt động tập thể.		
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Lên lớp đạt 98% - Sức khỏe tốt	- Lên lớp đạt 98% - Sức khỏe tốt	- Đỗ TN trên 99% - Sức khỏe tốt
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	100% hs tiếp tục học tập tại trường	100% hs tiếp tục học tập tại trường	Trên 40% tiếp tục đi học nghề, CĐ, ĐH

Tuy Đức, ngày tháng 10 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG LÊ QUÝ ĐÔN

Trần Văn

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐĂKNÔNG
TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN

Biểu 10

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường THPT Lê Quý Đôn , năm học 2021-2022

Stt	Nội dung	Chia ra theo khối			Tổng số
		Khối 10	Khối 11	Khối 12	
	Sĩ số đầu năm				772
	Sĩ số cuối năm	284	226	202	712
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiêm**	284	226	202	712
1	Tốt	191	203	187	581
	(tỷ lệ so với tổng số)	67,25%	89,82%	92,57%	81,60%
2	Khá	71	17	10	98
	(tỷ lệ so với tổng số)	25%	7,52%	4,95	13,76%
3	Trung bình	20	5	5	30
	(tỷ lệ so với tổng số)	7,07%	2,21%	2,48%	4,21%
4	Yếu	2	1	0	3
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,70%	0,44%	0.0	0,42%
II	**Số học sinh chia theo học lực**	284	226	202	712
1	Giỏi	14	22	14	50
	(tỷ lệ so với tổng số)	4,93%	9,73	6,93%	7,02%
2	Khá	77	104	130	311
	(tỷ lệ so với tổng số)	27,11%	46,02	64,36%	43,68%
3	Trung bình	143	94	58	295
	(tỷ lệ so với tổng số)	50,35%	41,59%	28,71	41,43%
4	Yếu	47	6	0	53
	(tỷ lệ so với tổng số)	16,55%	2,65	0.0	7,44%
5	Kém	3	0	0	3
	(tỷ lệ so với tổng số)	.1,06%	0.0	0.0	0,42%
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**				
1	Lên lớp	255	222		477
	(tỷ lệ so với tổng số)	90%	98,23%		93,53%
a	Học sinh giỏi	14	22	14	50
	(tỷ lệ so với tổng số)	4,93%	9,73	6,93%	7,02%
b	Học sinh tiên tiến	77	104	130	311
	(tỷ lệ so với tổng số)	27,11%	46,02	64,36%	43,68%
2	Thi lại	47	5		52
	(tỷ lệ so với tổng số)	;16,55%	2,21%		7,03%
3	Lưu ban	33			33
	(tỷ lệ so với tổng số)	4,63%			,63%
4	**Chuyển trường đến**		6	4	10
	(tỷ lệ so với tổng số)				
5	**Chuyển trường đi**		6	4	10
	(tỷ lệ so với tổng số)				
6	Bị đuổi học				
	(tỷ lệ so với tổng số)				
7	Bỏ học				
	(tỷ lệ so với tổng số)				
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi**				
1	*Cấp huyện*				
2	Cấp tỉnh/thành phố				13

3	Quốc gia				
V	**Số học sinh dự thi tốt nghiệp**			201	
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**			201	
1	Đủ ĐK tốt nghiệp			201	
	Tỷ lệ			100%	
VIII	**Số học sinh nữ**				369
IX	**Số học sinh dân tộc thiểu số**				142

Tuy Đức ngày 16 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG LÊ QUÝ ĐÔN

Trần Văn

Biểu mẫu 11

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH ĐĂKNÔNG
TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuy Đức, ngày tháng 01 năm 2023

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học**	18	Số m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**		-
1	Phòng học kiên cố	20	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	01	-
5	Số phòng học bộ môn	04	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	01	-
8	Bình quân học sinh/lớp	45	-
III	**Số điểm trường**	01	-
IV	**Tổng số diện tích đất (m^2)**	31,324	38
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m^2)**		
VI	**Tổng diện tích các phòng**		
1	Diện tích phòng học (m^2)		
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	240	
3	Diện tích thư viện (m^2)	80	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)	394	
5	*Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m^2)*	18	
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10	0	
1.2	Khối lớp 11	13	
1.3	Khối lớp 12	13	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		

Biểu mẫu 11

2.1	Khối lớp...		
2.2	Khối lớp...		
2.3	Khối lớp...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
4	...		
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	50	Số học sinh/bộ
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		Số thiết bị/lớp
1	**Ti vi**	19	
2	**Cát xét**	0	
3	**Đầu Video/đầu đĩa**	0	
4	**Máy chiếu OverHead/projector/vật thể**	0	
5	**Bàn ghế phòng họp**	25	
6	**Hệ thống âm thanh phục vụ sinh hoạt tập thể**	01	

IX	**Tổng số thiết bị đang sử dụng**		**Số thiết bị/lớp**
1	Ti vi	20	01
2	Cát xét	0	0
3	Đầu Video/đầu đĩa		0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	0
5	Thiết bị khác...		
..	……		

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	**Nhà bếp**	0
XI	**Nhà ăn**	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**	0	0	
XIII	**Khu nội trú**	0	0	

Biểu mẫu 11

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	0		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

*(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).*

	Nội dung	Có	Không
XV	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	x	
XVI	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	x	
XVII	**Kết nối internet**	x	
XVIII	**Trang thông tin điện tử (website) của trường**	x	
XIX	**Tường rào xây**	x	

..... ngày ..... tháng .... năm .....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG LÊ QUÝ ĐÔN

Trần Văn

TỈNH ĐẮK NÔNG

Biểu mẫu 12

SỞ GD&ĐT ĐĂKNÔNG
TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023

(thực hiện theo TT 36/2017-TT-BGD&ĐT ngày 28/12/2017)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	Ths	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	**45**			**40**	**2**	**02**	**01**	**35**	**3**					
I	**Giáo viên** **Trong đó số giáo viên dạy môn:**	**35**			**35**				**35**						
1	Toán	6			6				6						
2	Lý	4			4				4						
3	Hóa	3			3				3						
4	Ngữ Văn	5			5				5						
5	Lịch sử	2			2				1	1					
6	Địa lý	2			2				2						
7	Sinh học	3			3				2	1					
8	Tiếng anh	5			5				5						
9	GDCD	1			1				1						
10	Thể dục-	2			2				2						
11	GDQP-AN	1			1				1						
12	Tin học	1			1				1						

13	Mỹ thuật	00													
14	Công Nghệ	00													
II	**Cán bộ quản lý**	**03**			**3**				**2**						
1	Hiệu trưởng	01			1				1						
2	Phó hiệu trưởng	02			2				1	1					
III	**Nhân viên**	**07**			**2**	1	**1**	**1**	2						
1	Nhân viên kế toán	1			1										
2	Văn thư-Thủ quỹ	1			1										
3	Nhân viên Thư viện	1				1									
4	Nhân viên Y tế	1					1								
5	Nhân viên TBDH	1						1							
6	Nhân viên tạp vụ	1							1						
7	Nhân viên bảo vệ	1							1						

Tuy Đức, ngày 12 tháng 10 năm 2022

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO T. ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG LÊ QUÝ ĐÔN

Trần Văn